

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191 /2023/HS-ST
Ngày: 15 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sỹ
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 187/2023/TLST - HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn S, giới tính: Nam, sinh ngày 25/6/1991; tại Tp. Q, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ 8, Khu phố 2, phường L, Tp. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà Trần Thị H, sinh năm 1972; Vợ: chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Con: 01 người con, sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/02/2017, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 06/9/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Quy Nhơn. (Có mặt).

- Bị hại:

Chị Hồ Thị Hoàng D, sinh năm 2003. Trú tại: Tổ 35, KP 7, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B. (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hồ Thị Hoàng O, sinh năm 1996. Trú tại: Tổ 35, KP 7, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B. (Có mặt).

2. Anh Tô Đình C, sinh năm 1999. Trú tại: Tổ 29B, KP 6, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1967. Trú tại: Tổ 16, KP 3, P. N, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt).

4. Anh Lê Phong P, sinh năm 1994. Trú tại: Tổ 2, KP A, TT. N, huyện P, tỉnh B. (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Lê Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2008 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Ngọc H (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ 20, KP 4, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2023, Hồ Thị Hoàng D (sinh năm 2003) cùng chị gái là Hồ Thị Hoàng O (sinh năm 1996) cùng trú: Tổ 35, KP 7, P. Đ, Tp. Q góp tiền để mua xe mô tô sử dụng chung. D góp 1.800.000 đồng, O góp 2.500.000 đồng. Sau đó, O nhờ Trần Văn S đi cùng đến gặp anh Lê Phong P (sinh năm 1994; trú: Tổ 2, KP A, TT. N, huyện P, tỉnh B) mua xe mô tô biển số 77L1-010.62 với giá 4.300.000 đồng. Khi giao xe, P đưa cho Trần Văn S 02 chìa khóa xe, S đưa cho O một chìa còn một chìa S giữ lại. Sau khi mua xe biển số 77L1-010.62, D và O sử dụng chung.

Sáng ngày 12/4/2023, Hồ Thị Hoàng O giao xe mô tô 77L1-010.62 cho Hồ Thị Hoàng D quản lý, sử dụng. Trưa cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 77L1-010.62 đi làm về, dựng xe ở đường hẻm trước nhà 85/24 Hoàng Văn T, P. Q, TP. Q, không khóa cổ xe. Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, Trần Văn S đến tiệm internet “Trang Thịnh” ở đường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn. Trần Văn S biết D thường để xe mô tô ở đường hẻm trước nhà 85/24 Hoàng Văn T, TP. Q nên nảy sinh ý định lấy trộm xe cầm cố lấy tiền tiêu xài. S mượn xe mô tô nhãn hiệu Taurus của một người quen trong quán rồi nhờ em Lê Nguyễn Quốc Đ (sinh năm 2008; trú: Tổ 20, KP 4, P. Đ, TP. Q) đi theo để S chở đến số nhà 85 đường Hoàng Văn T, TP. Q để Đ đem xe Taurus về tiệm internet “Trang Thịnh” trả. Khi đến gần nhà số 85 Hoàng Văn T, S đưa xe cho Đ quay về rồi S đi bộ vào hẻm. Khi đến trước nhà 85/24 Hoàng Văn T, Trần Văn S thấy xe mô tô biển số 77L1-010.62 dựng trước nhà, không ai trông coi, S sử dụng chìa khóa dự phòng (S giữ lại lúc đi mua xe) mở khóa xe mô tô biển số 77L1-010.62 rồi điều khiển xe đến gặp Tô Đình C (sinh năm 1999; trú: Tổ 29B, KP 6, P. Đ, TP. Q) đưa xe cho C giữ làm tin và mượn của C số tiền 1.000.000 đồng. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, D phát hiện bị mất xe mô tô 77L1-010.62, đến trình báo Công an P. Q, TP. Q. Công an P. Q, TP. Q tiếp nhận vụ việc, mời Trần Văn S lên làm việc,

S đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình. Công an P. Quang Trung lập hồ sơ, chuyển hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn giải quyết theo thẩm quyền. Tại Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn, Trần Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên của mình.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp. Quy Nhơn kết luận: 01 xe mô tô biển số 77L1-010.62, nhãn hiệu: NOUVO, số loại: C132, màu sơn: Trắng - Đen, số máy: 5P11-288086, số khung: 110AY-288085, đã qua sử dụng trị giá là 3.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an Tp. Quy Nhơn đã tạm giữ và trả lại: 01 xe mô tô biển số 77L1-010.62, nhãn hiệu: NOUVO, số loại: C132, màu sơn: Trắng - Đen, số máy: 5P11-288086, số khung: 110AY-288085, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là chị Hồ Thị Hoàng O.

Về phần dân sự: Bị hại chị Hồ Thị Hoàng D không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Bản Cáo trạng số: 185/CT - VKSQN ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố Trần Văn S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố nên Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về phần dân sự: Bị hại chị Hồ Thị Hoàng D không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không giải quyết.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Với mục đích cần tiền tiêu xài, vào ngày 12/4/2023 bị cáo Trần Văn S có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số: 77L1-010.62, đã qua sử dụng của chị Hồ Thị Hoàng D dựng ở hẻm trước nhà 85/24 Hoàng Văn T, P. Q, TP. Q, trị giá theo Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp. Quy Nhơn kết luận là 3.500.000 đồng rồi đến chỗ anh Tô Đình C để mượn số tiền 1.000.000 đồng và để lại xe mô tô nêu trên cho anh C giữ làm tin.

Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, bị cáo Trần Văn S là người có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức xem thường pháp luật, tham lam nên đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 3.500.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự, bị cáo S có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai **làm nghề tự do, công việc không ổn định, thu nhập thấp** nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hồ Thị Hoàng D không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về vấn đề khác:

- Đối với chìa khóa xe dự phòng bị cáo S mang theo, sau khi giao xe mô tô cho Tô Đình C, bị cáo S bỏ mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

- Đối với Tô Đình C: C có hành vi nhận xe mô tô biển số 77L1-010.62 từ bị cáo Trần Văn S vì bị cáo S kẹt tiền và mượn C số tiền 1.000.000 đồng nên bị cáo S để lại xe mô tô biển số 77L1-010.62 cho C giữ làm tin. C không biết đây là xe do bị cáo S trộm cắp mà có, không bàn bạc, hứa hẹn hay giúp sức gì nên không phạm tội là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/9/2023.
3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Ung Quang Định